

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố di chúc vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiệm

2. Ông Nguyễn Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Việt N, là trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P (tên gọi khác: B); địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Lê Thị S; địa chỉ: Thôn Z, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3.3. Bà Lê Thị B; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3.4. Ông Đặng Đình T1; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ: Ông Nguyễn Quang C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Đ. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đoàn Văn B1; nơi công tác: Đảng ủy xã Đ; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4.2. Bà Trần Thị Lệ H; nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Đ1; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4.3. Ông Nguyễn Tân T2; nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Đ; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4.4. Bà Nguyễn Thị Minh T3; nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Đ; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/11/2019, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà là con đẻ của cụ Võ Thị N1 (tên gọi khác: C2), chết năm 2015 và cụ Lê C1, chết năm 1965. Cha mẹ bà có 07 người con là: Lê Văn C3 (chết năm 1971, chưa có vợ con); Lê Văn B2 (chết năm 1974, chưa có vợ con); Lê Thị P; Lê Thị H; Lê Thị S; Lê Thị B và Lê Thị T. Nguyên thửa đất số 203, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là thửa đất mà cụ N1 được Nhà nước cấp năm 1996. Năm 2005 Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho cụ N1. Việc cụ N1 lập di chúc để lại thửa đất trên cho bà Lê Thị P vào ngày 22/01/2015 bà hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, tại thời điểm cụ N1 lập di chúc thì cụ N1 đã 94 tuổi, đang bị bệnh nặng, không còn minh mẫn và cụ N1 cũng không đến Ủy ban nhân dân xã Đ để lập di chúc trước mặt người có thẩm quyền chứng thực; bà Trần Thị Lệ H (là công chức Tư pháp – Hộ tịch xã Đ) lập nhưng trong di chúc không có chữ ký của bà H. Ngoài ra, tại thời điểm cụ N1 lập di chúc thì thửa đất 203, tờ bản đồ số 11 đang có tranh chấp nên cụ N1 không thể lập di chúc để thừa kế lại cho bà P được. Bà cho rằng di chúc của cụ N1 là giả mạo, không đúng với ý chí của cụ N1 nên yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của cụ Võ Thị N1 (Cụ), được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 vô hiệu. Bà chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc vô hiệu, không yêu cầu chia thừa kế và cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 25/12/2019, biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2020, các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị

P trình bày:

Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là thửa đất của cụ Võ Thị N1, được Nhà nước cấp vào năm 1996. Ngày 22/01/2015 cụ N1 lập di chúc để lại thửa đất trên cho bà quản lý, sử dụng để làm nhà thờ mà không được mua bán, chuyển nhượng. Di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 nên hợp lệ, các chị em trong gia đình phải thực hiện theo di chúc. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Việc mẹ bà là cụ Võ Thị N1 (C2) lập di chúc ngày 22/01/2015 thì bà hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, trước đó mẹ bà có lập di chúc để lại thửa đất mà mẹ bà được Nhà nước cấp cho bà Lê Thị T. Theo bà, tại thời điểm lập di chúc ngày 22/01/2015 thì mẹ bà không còn minh mẫn. Do đó, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do cụ Võ Thị N1 lập ngày 22/01/2015 vô hiệu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S trình bày:

Đất là của nhà nước cấp cho mẹ bà. Nay mẹ bà đã chết thì để làm nơi thờ cúng chứ không cho riêng ai; còn việc tranh chấp di chúc thì bà không có liên quan vì bà không ký trong di chúc. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bản thân bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày:

Ngày 22/01/2015 mẹ Võ Thị N1 nhờ chính quyền, đoàn thể viết giúp di chúc tại nhà của bà (Lê Thị B), ủy quyền cho bà Lê Thị P quản lý thửa đất mà cụ N1 được Nhà nước cấp để làm nơi thờ cúng liệt sỹ chồng và 02 con, không được tặng cho, mua bán và thừa kế. Di chúc đã được chính quyền địa phương xác nhận. Tại thời điểm lập di chúc có bà H, là Tư pháp xã Đ; ông T2, là Thanh tra nhân dân và bà T3, là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đ chứng kiến; cụ N1 đọc từng từ, lời, câu rõ ràng để bà H ghi, đánh máy di chúc. Việc bà H và một số cán bộ xã đến nhà bà để giúp mẹ bà soạn thảo di chúc là do ông Đoàn Văn B1 (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ) phân công theo yêu cầu và tâm nguyện của mẹ N1. Lúc lập di chúc không có mặt ông Đoàn Văn B1, ông B1 ký chứng thực di chúc vào thời điểm nào thì bà không biết. Bà cho rằng di chúc của cụ N1 lập ngày 22/01/2015 là hợp pháp nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tại biên bản làm việc ngày 27/02/2018, ông Nguyễn Quang C, là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày:

Cụ Võ Thị N1 là Mẹ Việt Nam anh hùng. Tại thời điểm cụ Võ Thị N1 lập di chúc để lại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Lê Thị P thì ông đang giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Đ, theo nhận thức của ông thì lúc để lại di chúc cụ N1 không còn

minh mẫn, lúc nhớ lúc quên. Việc cụ N1 điểm chỉ vào di chúc ngày 22/01/2015 không điểm chỉ trực tiếp trước mặt ông Đoàn Văn B1, là người có thẩm quyền chứng thực, lúc đó ông B1 có cử bà Trần Thị Lê H là cán bộ tư pháp xã Đ và 02 người làm chứng là ông Nguyễn Tấn T2 (lúc này là Thanh tra nhân dân xã Đ), bà Nguyễn Thị Minh T3 (lúc này là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ) đến nhà cụ N1 để tiến hành lập di chúc cho cụ N1. Sau đó, bà H đem di chúc về trình cho ông B1 ký chứng thực vào di chúc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T thì Ủy ban nhân dân xã Đ có ý kiến như sau: Do trước đây cụ Võ Thị N1 đã có di chúc để lại thừa đất trên cho bà Lê Thị T và bà Lê Thị T đã có công tôn tạo đất, góp tiền bạc xây dựng căn nhà trên đất nên về mặt đạo đức thì Tòa án nên động viên các đương sự để tạo điều kiện cho bà T được tiếp tục có chỗ ở, có nơi thờ cúng cha mẹ và các anh là liệt sĩ. Còn việc bà Lê Thị T yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Võ Thị N1 được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 vô hiệu thì yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đình T1 nhưng ông T1 không văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B, Lê Thị H và Ủy ban nhân dân xã Đ đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đình T1, bà Lê Thị S chưa chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T. Tuyên bố di chúc do cụ Võ Thị N1 (C2) điểm chỉ ngày 22/01/2015, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 không hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Lê Thị P.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Tại thời điểm cụ Võ Thị N1 lập di chúc vào ngày 22/01/2015 thì cụ N1 không còn minh mẫn; thừa đất mà cụ N1 để thừa kế cho bà Lê Thị P đang có tranh chấp; trình tự, thủ tục chứng thực di chúc không đúng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ vì người để lại di chúc, người làm chứng không ký, điểm chỉ vào di chúc trước mặt người có thẩm quyền chứng thực. Do đó, đề nghị Tòa án tuyên bố di

chức do cụ Võ Thị N1 diêm chỉ ngày 22/01/2015, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Võ Thị N1 (Cụ), được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 vô hiệu. Do đó, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *“Tranh yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu”* theo quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại thời điểm nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện thì bị đơn bà Lê Thị P đang cư trú tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Đặng Đình T1 vắng mặt không có lý do; bà Lê Thị H vắng mặt có đơn xin vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là thửa đất mà cụ Võ Thị N1 được Nhà nước cấp năm 1996. Năm 2005 Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho cụ Võ Thị N1. Ngày 22/01/2015, cụ Võ Thị N1 có diêm chỉ vào di chúc để lại thửa đất trên cho bà Lê Thị P được trọn quyền quản lý, sử dụng để làm nhà thờ cúng liệt sĩ chồng và hai con, không được mua bán, chuyển nhượng. Di chúc này được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015.

[2.2] Căn cứ lời khai của những người làm chứng như bà Trần Thị Lệ H, ông Đoàn Văn B1 trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 22/01/2015 ông Đoàn Văn B1 (lúc này đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ) có cử bà Trần Thị Lệ H (là công chức Tư pháp – Hộ tịch xã Đ) đến nhà của bà Lê Thị B để soạn thảo di chúc cho cụ Võ Thị N1; cử ông Nguyễn Tấn T2 (là Thanh tra nhân dân xã Đ) và bà Nguyễn Thị Minh T3 (là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ) đến nhà bà B để làm chứng việc lập di chúc của cụ N1.

[2.3] Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định: “*Người làm chứng do người yêu cầu công chứng, chứng thực chỉ định; nếu họ không chỉ định được hoặc trong trường hợp khẩn cấp, thì người thực hiện công chứng, chứng thực chỉ định người làm chứng*”. Tuy nhiên, tại thời điểm cụ Võ Thị N1 lập di chúc thì cụ N1 không thuộc trường hợp không chỉ định được người làm chứng hoặc thuộc trường hợp khẩn cấp, nhưng người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ lại chỉ định người làm chứng việc lập di chúc cho cụ N1 là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ.

[2.4] Tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định: “*Các quy định về công chứng, chứng thực hợp đồng tại Mục I của Chương này được áp dụng đối với việc công chứng, chứng thực tất cả các hợp đồng, giao dịch được công chứng, chứng thực theo quy định của Nghị định này*”; tại khoản 1 Điều 42 Mục I Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định: “*Người yêu cầu công chứng, chứng thực có thể đề nghị người thực hiện công chứng, chứng thực soạn thảo hợp đồng. Người yêu cầu công chứng, chứng thực tuyên bố nội dung của hợp đồng trước người thực hiện công chứng, chứng thực. Người thực hiện công chứng, chứng thực phải ghi chép lại đầy đủ nội dung mà người yêu cầu công chứng, chứng thực đã tuyên bố; nếu nội dung tuyên bố không trái pháp luật, đạo đức xã hội, thì soạn thảo hợp đồng*”. Tuy nhiên, theo trình bày của bà Trần Thị Lệ H tại biên bản làm việc ngày 30/7/2020 thể hiện: Ngày 22/01/2015 bà H là người ghi chép nội dung di chúc cho cụ N1 tại nhà của bà Lê Thị B, nhưng không phải toàn bộ nội dung di chúc ngày 22/01/2015 đều do cụ N1 đọc cho bà H ghi mà còn có một số nội dung bà H ghi dựa trên nội dung bà Lê Thị B đã soạn sẵn. Như vậy, có căn cứ xác định nội dung di chúc do cụ N1 điền chỉ vào ngày 22/01/2015 không được soạn thảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ.

[2.5] Ngoài ra, theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ thì: “*1. Việc ký, điểm chỉ của người yêu cầu công chứng, chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện công chứng, chứng thực, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Việc ký, điểm chỉ của người làm chứng phải được thực hiện trước mặt người thực hiện công chứng, chứng thực và người yêu cầu công chứng, chứng thực*”. Tuy nhiên, theo trình bày của các đương sự và những người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện: Ngày 22/01/2015 người lập di chúc là cụ Võ Thị N1 và những người làm chứng đều không ký, điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền chứng thực là ông Đoàn Văn B1. Việc ký, điểm chỉ của cụ N1 cũng không thuộc trường hợp pháp luật có quy định khác nhưng cụ N1 và những người làm chứng đã không thực hiện việc ký, điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền chứng thực là không đúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ.

[2.6] Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ thì người thực hiện công chứng,

chứng thực có nhiệm vụ “*Giải thích cho người yêu cầu công chứng, chứng thực hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng, chứng thực*”. Tuy nhiên, theo trình bày của các đương sự và những người làm chứng thì ngày 22/01/2015, người có thẩm quyền chứng thực di chúc là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, cũng như công chức Tư pháp – Hộ tịch xã Đ đã không thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

[2.7] Như đã nhận định ở phần trên, bản di chúc do cụ Võ Thị N1 điểm chỉ ngày 22/01/2015, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 không được lập và chứng thực đúng theo trình tự, thủ tục được quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ nên bản di chúc nêu trên là không hợp pháp. Vì vậy, bà Lê Thị T yêu cầu tuyên bố di chúc do cụ Võ Thị N1 điểm chỉ ngày 22/01/2015, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 vô hiệu là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Về giải quyết hậu quả của di chúc vô hiệu: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng thừa kế của cụ Võ Thị N1 đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của di chúc vô hiệu, không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N1 theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị P là thân nhân liệt sỹ, đã có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điều 144, 147, 186, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 128, 652 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 8, 11, 37, 40, 42, 50 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tuyên bố di chúc do cụ Võ Thị N1 (tên gọi khác: C2) điểm chỉ ngày 22/01/2015, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 22/01/2015 vô hiệu.

2. Về án phí: Bà Lê Thị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị T, bị đơn bà Lê Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B, bà Lê Thị S có mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong